

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC TRẺ LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4+5 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Thực hiện chủ đề
			Chung	Riêng	
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT					
a) Phát triển vận động					
1	4	- Biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	* 4+5 tuổi: - Hô hấp: Gà gáy, thổi bóng bay, còi tàu...	* Tay: - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). - Đánh xoay tròn hai vai. * Lưng – bụng, lườn - Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Quay sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải. * Chân: - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ	1->9

				- Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Ngồi nâng hai chân và duỗi thẳng - Bật lên trước, ra sau, sang bên.	
2	5	- Biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		* Tay - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). - Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. * Lưng – bụng, lườn - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. - Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.	1-9

				- Đứng cúi về trước * Chân - Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. - Bật về các phía; khuỵu gối.	
3	4	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Trẻ biết bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Trẻ biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	* 4+ 5 tuổi: - Đi khụy gối	- Đi bằng gót chân - Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi lùi.	2 7 6 3
4	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Trẻ biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Trẻ biết không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể		- Đi trên dây (Dây đặt trên sàn), - Đi trên ván kê dốc - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	6 8 2 7

		dục. - Trẻ biết đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.		- Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây	8
				- Đi nổi bàn chân tiến, lùi	3
5	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích đặc).		- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	1
				- Đi thay đổi hướng đích đặc theo vật chuẩn.	4
6	5	Biết kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)		- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	1
				- Đi thay đổi hướng đích đặc theo hiệu lệnh	4
7	4	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Trẻ biết ném trúng đích ngang	* 4 + 5 tuổi: - Tung bóng lên cao và bắt. - Ném xa bằng 1 tay - <i>Đập và bắt bóng tại chỗ.</i>	.	2
			- Ném xa bằng 2 tay	- Tung bắt bóng với người đối diện	6
			- Ném trúng đích đứng bằng 1 tay.		5
					7

		(xa 2 m). - Trẻ biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m - 2m).		7 9
8	5	Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Trẻ biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m). - Trẻ biết ném trúng đích ngang (cao 1,5m, xa 2m). - Trẻ biết đi, đập và bắt được bóng nảy 4- 5 lần liên tiếp.		- Đi và đập bắt bóng. - Ném trúng đích bằng 2 tay. - Ném bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4 m	9 8 6
9	4	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Bò, trườn, trèo, bật, nhảy... - Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Trẻ biết bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Biết bật xa 35-40 cm - Biết bật nhảy từ trên cao xuống	* 4+ 5 tuổi: - Chạy (15 m - 18m) trong khoảng 10 giây - Nhảy lò cò (3-5m) - Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45cm) - Chạy chậm (60- 80m ; 100m - 120m) - Bò bằng bàn tay, bàn chân (3m - 4m; 4m -5m;)	- Bò chui qua cổng	1 9 5

		30 – 35 cm - Nhảy lò cò ít nhất 3m	- Bật qua vật cản cao (10 - 15 cm; 15cm - 20 cm) - Bò đích dắc qua (5 điểm - 7 điểm) - Bò chui qua ống dài (1,2 m x 0,6 m; 1,5m x 0,6m.) - Bật xa (35- 40 cm; 40-45 cm) - Trèo lên, xuống 5 -7 gióng thang. - Bật tách, khép chân qua (5 - 7 ô)	- Bật liên tục về phía trước. - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm	7 4 3 6 8
10	5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập Bò, trườn, trèo, bật, nhảy... - Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Trẻ biết bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu Biết bật xa tối thiểu 50cm		- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Bật liên tục vào vòng.	8 4

		- Biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm			
11	4	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết cuộn - xoay tròn cổ tay. - Biết gập, mở, các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy.	1->9
12	5	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Biết gập, mở lần lượt từng ngón tay.		- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.	
13	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Trẻ biết vẽ hình người, nhà, cây. - Trẻ biết cắt thành thạo theo đường thẳng. - Trẻ biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Trẻ biết tết sợi đôi. - Trẻ biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.		- Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	1->9

14	5	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Biết cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Biết tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (Phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	1->9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	4	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 14,1 – 24,2 kg + Bé gái: 13,7 – 24,9 Kg Chiều cao: + Bé trai: 100,7 – 119,2cm	* 4+5 tuổi - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất		1,4,7,9

		+ Bé gái : 99,9 – 118,9 cm			
16	5	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 15,9 – 27,1 kg + Bé gái: 15,3 – 27,8 Kg Chiều cao: + Bé trai: 106,1 – 125,8 cm + Bé gái : 104,9 – 125,4 cm			
17	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm - Biết thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Biết rau, quả chín có nhiều vitamin		- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	
18	5	Biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	3

19	4	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các món ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất.	2
20	5	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết các món ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
21	4	- Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	* 4+ 5 tuổi; - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..		2
22	5	- Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.		
23	4	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Biết tự rửa tay bằng xà phòng.	* 4+5 tuổi: - <i>KN tự phục vụ: Đánh răng, rửa mặt, rửa tay, chải đầu,</i>	- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	2

		Tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	<i>buộc tóc, hăm sóc mắt, mũi, răng miệng...</i>	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
24	5	Thực hiện được một số việc đơn giản: - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dũi/ giặt nước cho sạch.		- Tập luyện kỹ năng tự phục vụ: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, <i>chải đầu, buộc tóc</i> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
25	4	- Biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	* 4+5 tuổi; - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. (Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo)		2
26	5	- Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế...</i>		

27	4	Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Biết không uống nước lã.	* 4+5 tuổi; - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.		1 6
28	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Biết không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Biết không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	- <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lã, ăn uống đúng giờ, đủ chất... Ăn uống đúng giờ</i> - <i>KN giao tiếp xã hội: HD trẻ cách giao tiếp phù hợp khi có khách đến nhà/đến chơi nhà người khác</i> - <i>Đến chơi nhà người khác</i>		2 4
29	4	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	* 4+ 5 tuổi: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, bảo vệ sức khỏe,		8

		- Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - <i>KN tự phục vụ:</i> Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: <i>Giày dép, mũ phù hợp với thời tiết, hoạt động...</i> - <i>Biết cùng chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô, quần áo, giày dép...; để tham gia các hoạt động tham quan: Tham quan trường tiểu học...</i>		9
30	5	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Biết ra nắng đội mũ; Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - KN bảo vệ sức khỏe và nơi công cộng: che miệng khi ho, hắt hơi. Đi vệ sinh đúng nơi quy định; bỏ rác đúng nơi quy định; (không nhổ bậy ra lớp)		2

		- Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp			
31	4	- Biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn. không nên nghịch.	* 4+ 5 tuổi; - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng		4
32	5	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
33	4	- Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, nương nước,suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần	* 4+ 5 tuổi; - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.		2
34	5	- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm			
			- Khu vực an toàn của trường học/ <i>nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> + KN: <i>Dạy bé những việc nên làm và không nên làm</i> - Nhận biết những tình huống/ những nơi nguy hiểm: Ao, suối, trạm biến áp, công trình xây		1,4,8

			<i>dựng, cống, rãnh, trèo thang lên nhà sàn...(ao, suối, vực, trèo thang...); KN xử lí 1 số tình huống: động đất, sạt lở</i> <i>- Ứng phó với các tình huống nguy hiểm: sạt lở đất, động đất</i> <i>- Phòng tránh đuối nước: Ao, suối</i>		
35	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Biết không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	<i>* 4+5 tuổi;</i> <i>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.</i> <i>- Nói với người lớn về sự dị ứng của bản thân với thức ăn, các sản phẩm khác và yêu cầu giúp đỡ để phòng tránh</i>		6
36	5	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ	<i>- KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: KN nhận biết thực phẩm ôi thiu, các chất kích thích, không tự ý uống thuốc...</i>		

	bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.			
--	--	--	--	--

37	4	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	* 4+5 tuổi: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ <i>khi bị lạc, bị bắt cóc</i> - <i>Đề nghị sự giúp đỡ khi cần thiết</i> - <i>Nhận biết về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm...</i> - <i>Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/ hô to gọi người lớn cứu hoặc bò nhanh ra khỏi chỗ đám cháy...</i> - <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy, nổ: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm...</i>	9 3 3 4
----	---	--	--	-------------------------------------

			- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở. - Phòng tránh xâm hại: Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.		2 1,3
38	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.	- Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại... + KN nhận biết các nguồn nhiệt		3,8

		+ Biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	<i>nguy hiểm và cách phòng tránh</i> <i>+ KN xử lí khi gặp đám cháy</i>		
39	5	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Biết đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Biết không leo trèo cây, ban công, tường rào...		- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào. - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Ứng phó khi bị mắc kẹt trong không gian gian kín (ô tô, phòng kho của trường, lớp...)</i> - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi sau xe máy. - <i>Tuân thủ đèn tín hiệu giao thông</i>	1 7
40	5	- Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.		- Tập trung chú ý, tham gia hoạt động tích cực, không có biểu hiện mệt mỏi như: ngáp, ngủ gật...	9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

41	4	- Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo, vì sao lá cây bị ướn?”...	* 4+5 tuổi: + <i>Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i> - <i>Đặt câu hỏi</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Dạy trẻ cách nhận biết sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i>	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	8
42	5	- Thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng. "Tại sao có mưa?"...		- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và thứ tự các mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, con vật - Sự thay đổi trong sinh hoạt con người cây cối.	8 5 6
43	4	- Biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm đối tượng hiệu đặc điểm của đối tượng	* 4+ 5 tuổi: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		2
				So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi	1, 3, 9

44	5	- Biết phối hợp các giác quan để quan sát xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và đa dạng của chúng	1, 3, 9
			- Đặc điểm nổi bật và ích lợi, tác hại của cây, hoa, quả quen thuộc		6
			- Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.		8
			- Đặc điểm nổi bật và ích lợi, tác hại của con vật quen thuộc		5
45	4	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu, đường, muối và nước, dự đoán và quan sát, so sánh	* 4+ 5 tuổi		
			- Quá trình phát triển của con vật; điều kiện sống của một số loại con vật.		5
			- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây		6

46	5	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.VD; Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển	+ <i>Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô...</i> + <i>Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây...</i>		
47	4	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống	- Quan sát, thảo luận các con vật - Quan sát, thảo luận các cây, hoa quả - Quan sát, thảo luận các sự vật, hiện tượng, thời tiết các mùa.	5 6 8
				- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	8

48	5	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận		- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: cây, hoa, quả	6
				Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: con vật	5
				Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: hiện tượng tự nhiên	8
49	4	- Biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	* 4+5 tuổi: - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi + Một số đồ dùng, đồ chơi của lớp - Phân loại đồ dùng, đồ chơi (1-2, 2-3 dấu hiệu)		1, 3, 9 3
50	5	- Biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	+ Một số đồ dùng, phương tiện trong gia đình		
			- Phân loại cây, hoa quả, con vật, PTGT theo (1 -2, 2-3 dấu hiệu) + Phân loại động vật + Phân biệt một số loại cây		5,6 5 6

			+ Phân biệt một số loại quả + Phân biệt một số PTGT - <i>Trẻ nhận biết phân biệt được 1 số quy định khi tham gia giao thông đường bộ.</i>		7
51	4	- Biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	* 4+5 tuổi: - Các nguồn nước trong 1 môi trường sống - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - <i>Trẻ thực hành trải nghiệm làm một số thí nghiệm đơn giản.</i>		8
52	5	- Biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. VD: Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi	- <i>Nhận biết biểu hiện BĐKH: mưa lũ, sóng mòn, ô nhiễm môi trường... nguyên nhân do chặt phá rừng, vứt rác bừa bãi...</i> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống người, con vật	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	8 5, 8

			- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống người và cây - Ích lợi của nước đối với đời sống con người và cây cối - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật		6, 8 5, 8
53	4	- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	* 4+5 tuổi - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với MT sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.		5
54	5	- Biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với MT sống.		6
55	4	- Biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật - So sánh sự giống và khác nhau của 2 cây, hoa, quả	5 6

			+ 4+5T: - So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi...		1, 3, 9
56	5	- Biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		8
57	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng...		1->9
58	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
59	4	- Trẻ nhận biết các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai	* 4+5: - Động đất: ra chỗ đất chống...; Sấm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại... - Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai: + Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống. + Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên		8
60	5	- Trẻ biết tên gọi các loại thiên tai, hiểu ý nghĩa một số tên gọi đặc biệt của thiên tai do con người đặt ra và biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao cần làm như vậy.			

			sông, suối vượt qua mức bình thường. + Mưa đá: mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất... - KN bảo vệ sức khoẻ và an toàn: HD trẻ 1 số KN khi gặp mưa, gió bão...		
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
61	4	Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	* 4+5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà...)		3
62	5	Biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe...)		7
63	4	- Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	* 4 +5 tuổi: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Ôn đếm số lượng 1,2,3,4,5 - Đếm, so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6, 7, 8, 9, 10.	1->4 5->8

64	5	- Biết đếm trên đối tượng pvi 10 và đếm theo khả năng		Ôn đếm số lượng 1->10 Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1->8
65	4	- Biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5	1->4
				- So sánh số lượng 2 -3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	5->8
66	5	- Biết so sánh số lượng ba nhóm đối tượng trong pvi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất , ít hơn, ít nhất		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	1->4
				- So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	5->8
67	4	- Biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	* 4-5 tuổi: Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5,10)	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong 1,2,3,4,5	1->4
68	5	- Nhận biết các số từ số 5 - số 10 và sử dụng các số đó để chỉ SL, số		- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1->8

		thứ tự		+ Ôn nhóm số lượng 1- 5, chữ số 1-5	1->4
				+ Nhận biết chữ số và STT 6, 7, 8, 9, 10	5->8
69	4	- Biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong pvi 5, đếm và nói kết quả		- Gộp 2 nhóm đối tượng có SL 4,5 và đếm	3,4
70	5	- Biết gộp các nhóm đối tượng trong pvi 10 và đếm		- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	3->8
				+ Ôn gộp 2 nhóm đối tượng có SL 4, 5 và đếm	3,4
				+ Gộp các nhóm đối tượng có SL 6,7, 8, 9, 10	5->8
				- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	3->8
71	4	- Biết tách 1 nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn		- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3,4
				+ Tách 1 nhóm đt có SL 4, 5 thành 2 nhóm nhỏ hơn.	
72	5	- Biết tách một nhóm đối tượng trong pvi 10 thành 2 nhóm = các cách khác nhau		- Ôn tách 1 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 thành 2 nhóm nhỏ	3,4

				- Tách 1 nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau PV 6,7,8,9,10	5->8
73	4	- Biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	* 4+5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà...) - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (biển số xe...)		3
74	5	- Biết nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày			
75	4	- Biết nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	* 4+5 tuổi: - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi	7
76	5	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu - Nhận ra được qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại - Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		- Tạo ra qui tắc sắp xếp	
77	4	- Biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói	* 4+5 tuổi: - Đo độ dài một vật bằng một		3

		kết quả đo và so sánh	đơn vị đo (các đơn vị đo khác nhau).		
78	5	- Biết sử dụng được một số công cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo. (các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo) - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả		8 9
79	4	- Chỉ ra các điểm giống nhau giữa hai hình tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	6
80		- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản			
81	5	- Biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối CN		- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế	7
			* 4+5 tuổi: Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	- Tạo ra một số hình hình học bằng cách khác nhau	9
82	4	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ		2
83	5	- Biết sử dụng lời nói và hành			

		động đết chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bạn khác		3
				- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với 1 vật nào đó làm chuẩn	9
84	4	- Biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự, thời gian trong ngày		- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8
85	5	- Biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm - Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ		- Nhận biết hôm qua, hôm nay và ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần - Nói được lịch để làm gì - Nói được ngày trên lịch - Nói được giờ chẵn trên đồng hồ	
c) Khám phá xã hội					
86	4	- Biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện\	* 4+5 tuổi: - Họ tên, tuổi (ngày sinh), giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân		2

87	5	- Biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Vị trí của trẻ trong GD		3
88	4	- Biết nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của {Sở thích của các thành viên trong gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn)}. Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình		3
89	5	- Nói được tên, tuổi, giới tính và công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình			
90	4	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình(số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện		Nói được địa chỉ của gia đình(số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện	3
91	5	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm, số điện thoại...) khi được hỏi trò chuyện,		Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm, số điện thoại...) khi được hỏi trò chuyện	
92	4	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện		- Tên, địa chỉ của trường, lớp.	1
93	5	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi nói		- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non,	

		chuyện			
94	4	- Trẻ nói được tên , công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi trò chuyện		- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường	1
95	5	- Trẻ nói được tên công việc của cô giáo và các cô bác công nhân trong trường khi được hỏi nói chuyện		- Công việc của các cô bác trong trường	
96	4	- Trẻ nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Họ tên và đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường/ lớp		1
97	5	Trẻ nói được họ tên , đặc điểm của bạn ở trong lớp khi được hỏi, trò chuyện			
98	4	- Biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sp, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh		4 4,8
99	5	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD: Nghề nông làm lúa gạo, nghề XD xây nên những ngôi nhà mới...			

			<i>viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn, ...</i>		
100	4	- Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	* 4+5 tuổi: - Kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ:		
101	5	Trẻ kể được tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ...”	+ Ngày hội đến trường của bé + Ngày tết trung thu của bé + Ngày hội 20/11 + <i>Ngày tết cổ truyền dân tộc: Thái, Kinh, Mường, Dao, Mông</i> - <i>Nhận quà/ lì xì ngày tết</i> + Ngày hội 8/3;		1 4 6 7

			+ Sinh nhật Bác Hồ + Tham gia hội thi “tôi yêu Việt Nam” - Thể hiện mình thuộc về dân tộc (Kinh, Thái, Mường) và quê hương mình.		9
102	4	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	* 4+ 5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước		9
103	5	- Biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh , di tích lịch sử của quê hương đất nước	+ Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.		
104	4	Trẻ nhận biết bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan cơ thể, màu sắc, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	4+5 tuổi - Nhận biết (phân biệt) một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, các giác quan hành động, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...		1->9
105	5	Trẻ nhận biết, phân biệt, kể tên và so sánh, phân biệt bằng tiếng việt rõ ràng: Trường, lớp, đồ chơi, đồ	- Nói tiếng việt rõ ràng:		

		dùng,các giác quan hành động, các thành viên trong gia đình, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	+ Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...	1
			+ Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3...	2
			+ Các từ chỉ cảm xúc của bé	3
			+ Các từ chỉ các đồ dùng trong nhà bé	
			+ Các từ chỉ một số nghề gần gũi	4
		+ Các từ chỉ một số con vật quen thuộc	5	
			+ Các từ chỉ một số loại hoa, quả...	6
			+ Các từ chỉ một số PTGT, biển báo GT...	7
			+ Các từ chỉ thời tiết mùa hè, một số hoạt động trong mùa hè...	8
			+ Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên..	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
a) Nghe hiểu lời nói				

110	4	Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	* 4+ 5 tuổi: Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức		1->9
111	5	Biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại			
b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày					
112	4	Biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.	- Nói tiếng việt tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, tên, tuổi, giới tính, các bộ phận, giác quan, các thành viên trong gia đình, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa quả, con vật, PTGT, mùa hè...và một số câu đơn giản	Phát âm rõ các từ tiếng việt có chứa các âm khó cho trẻ dân tộc thiểu số	1->9
113	5	Biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được Trẻ nói được tiếng việt rõ ràng khi người lớn yêu cầu.		Phát âm rõ các từ tiếng việt có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu cho trẻ dân tộc thiểu số	
114	4	Biết sử dụng được các từ chỉ hoạt động, đặc điểm ...	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.		6
115	5	Biết sử dụng các từ chỉ hoạt động, đặc điểm ... phù hợp với ngữ cảnh	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
116	4	Biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		Trả lời và đặt các câu hỏi bằng tiếng việt: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?” “Để làm gì”...	1->9

117	5	Biết dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...		Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh bằng tiếng việt: “ tại sao?”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?”; “ Do đâu mà có?” ...	
118	4	Trẻ kể lại sự việc		Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	1-9
119	5	Biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.		Kể lại sự việc theo trình tự. Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép (khác nhau)	
120	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...	* 4+5 tuổi: Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		1->9
121	5	Biết đọc hiểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao ...			
122	4	Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		Kể lại truyện đã được nghe	8
123	5	Biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...trong nội dung truyện		Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	
124	4	Biết bắt chước giọng nói, điệu bộ	* 4+ 5 tuổi:		5

		của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch		
125	5	Biết đóng vai của nhân vật trong truyện			
126	4	Biết sử dụng các từ như: Mời cô, mời bạn, Cảm ơn, xin lỗi...trong giao tiếp.	<i>* 4+5 tuổi:</i> <i>- KN giao tiếp xã hội: Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng, tôn trọng những gì người khác làm cho mình.</i> <i>- Thể hiện sự biết lỗi: Khi có lỗi biết khoanh tay xin lỗi bạn, ông bà, bố mẹ, cô giáo...</i> <i>- Ứng xử phù hợp với người giao tiếp</i>	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	3
127	5	Biết sử dụng các từ: Cảm ơn; Xin lỗi; Xin phép; Thưa; Dạ; Vâng...phù hợp với tình huống.		Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.	
				Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2
128	4	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	<i>* 4+ 5 tuổi:</i> Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp <i>- Thuyết phục người khác</i> <i>- Tranh luận với người khác</i> <i>- Ứng xử khi người khác có lỗi</i>		5
129	5	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.			
c) Làm quen với đọc- viết					
130	4	Biết chọn sách để xem.	<i>* 4+ 5 tuổi:</i> Xem và nghe đọc các loại sách		9
131	5	Biết chọn sách để (đọc) và xem.			

			khác nhau		
132	4	Biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.		Mô tả sự vật hiện tượng, tranh ảnh	8
133	5	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		Kể chuyện theo đồ vật, tranh ảnh.	
134	4	Biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. (Đọc) sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	* 4+5 tuổi: - <i>Kỹ năng đọc sách</i> : Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách.		4
135	5	Biết cách (đọc sách) từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	“Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Làm quen với cách đọc tiếng Việt + Hướng đọc: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Đọc, ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách		
136	4	Biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	4+5 tuổi Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(		7

137	5	Biết nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)		
138	4	Biết sử dụng ký hiệu để(viết): tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	* 4+ 5 tuổi: - Làm quen với cách viết tiếng việt.Hướng viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ các dấu.	- Nhận dạng một số chữ cái: o,ô,ơ; a,ă,â; e, ê; u,ư; i,t,c - Tập tô, tập đồ các nét chữ: o,ô,ơ; a,ă,â; e, ê; u,ư; i,t,c.	1->5
139	5	Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.		- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Làm quen cách viết tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ; Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Tập tô, tập đồ các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; p,q; h,k; v-r.	1->9
140	5	Biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; h,k p,q; s,x; v-r.	1->9
141	5	Biết nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, đồng dao, ca dao, dành cho lứa tuổi của trẻ.		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài thơ, ca dao, đồng	1->9

				dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi.	
142	5	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .		Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau(VD: sử dụng thông tin của một câu chuyện, sự kiện hay câu hỏi). Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển.	3
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội					
a. Phát triển tình cảm					
<i>* Thể hiện ý thức về bản thân</i>					
143	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- <i>Bình đẳng giới</i>	- Tên, tuổi, giới tính	2
144	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân	2
				- Nói được họ tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	3
145	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	* 4 + 5 tuổi: Nhìn nhận bản thân tích cực hơn		2
146	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân - <i>Tự tin vào bản thân</i>	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	

147	5	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn. (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác - <i>Ứng xử khi người khác không giống với mình</i>	2
148	5	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.		- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	3
149	5	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động	1,3
<i>* Thể hiện sự tự tin, tự lực</i>					
150	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	<i>* 4+5 tuổi:</i> <i>- Tự phục vụ các hoạt động cá nhân: Vệ sinh cá nhân hàng ngày, quét lớp giúp cô...</i>	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	4
151	5	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)		- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	
152	4	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)	<i>* 4+5 tuổi:</i> Trí nhớ làm việc	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)	6

153	5	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi)	
<i>* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</i>					
154	4	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	<i>* 4+5 tuổi</i> <i>Kiểm soát bản thân:</i> <i>- Nhận diện cảm xúc của người khác và thể hiện tình cảm với người khác</i> <i>- Nhận biết cảm xúc của bản thân và người khác</i> <i>- Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh.</i> <i>Nhận biết cảm xúc của bản thân</i> <i>- KN kiểm soát cảm xúc: HD trẻ nhận diện 1 số cảm xúc của người khác: Vui, buồn, sợ hãi, xấu hổ...</i>	- Đặt tên một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	2, 4
155	5	- Trẻ nhận biết được một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác		- Đặt tên cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc	
156	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. - Trẻ có ý thức của bản thân	<i>* 4+5 tuổi</i> <i>- Trẻ quản lý được cảm xúc của bản thân</i>	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi, hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình	7

157	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. - <i>Trẻ có ý thức của bản thân</i>		- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	
158	4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	* 4+5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ, <i>nhận ra hình ảnh Bác Hồ</i> - <i>Biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi</i>		9
159	5	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc....)	- <i>Ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác Hồ</i>		
160	4	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	* 4+5 tuổi: - <i>Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</i>	<i>Một số địa danh liên quan đến Bác Hồ ở thủ đô Hà Nội</i>	9
161	5	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ		<i>Một số địa danh gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc, nơi tưởng niệm Bác)</i>	
162	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	* 4+5 tuổi: - <i>Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp (Đồi A1, Hàm đờ Cát, tượng đài, hầm đại</i>		4,5,7,9
163	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích			

		lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	<i>trưởng...)</i> lễ hội của quê hương, đất nước (lễ hội Hoa Ban, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 20/10, 8/3, ngày tết cổ truyền, tết dân tộc..		
164	5	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		- Biết an ủi và chia vui với người thân - Biết an ủi và chia vui với bạn bè - Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.	1 3 8
b. Phát triển kĩ năng xã hội					
<i>* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>					
165	4	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông, bà, bố, mẹ	* 4+ 5 tuổi: Áp dụng quy tắc xã hội: - Một số quy định: ở nơi công cộng (đi bên phải lề đường) - Một số quy định: ở gia đình - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Một số quy định: ở lớp để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)	- Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, - Phân biệt hành vi “tốt” – “xấu”	7 3 1

			- Dọn dẹp gọn gàng, ngăn nắp không gian sinh hoạt (Gấp/cắt chăn gối, để đồ dùng đúng chỗ...)		
166	5	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố, mẹ, anh, chị, muốn đi chơi phải xin phép		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng – sai”	7
				- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “tốt-xấu”	3
167	4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, (lịch sự) - Quan tâm (chia sẻ),giúp đỡ bạn.		5
168	5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép			
169	4	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	* 4+5 tuổi: - Nghe chăm chú	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	4
170	5	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác		- Lắng nghe ý kiến của người khác. Nhìn vào người khác khi họ đang nói - Không cắt ngang lời khi người khác đang nói	
171	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	* 4+5 tuổi - Tôn trọng sự khác biệt của	- Chờ đến lượt, hợp tác	5

172	5	- Trẻ biết chờ đến lượt	<i>người khác</i> <i>- Hoà hợp với người khác</i> <i>mình</i>	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận	
173	4	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	<i>* 4+5 tuổi:</i> <i>- Cùng cô và các bạn lập kế</i> <i>hoạch và thực hiện công việc,</i> <i>phân công công việc</i> <i>- Kỹ năng làm việc nhóm</i>	- Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	7
174	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		- Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - Mạnh dạn bày tỏ ý kiến - <i>Kỹ năng thuyết trình</i>	8
175	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)		Giải quyết xung đột - Chơi với bạn vui vẻ - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn. - <i>Phân tích tình huống và lựa</i> <i>chọn cách giải quyết phù hợp</i>	
*Quan tâm đến môi trường					
176	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	<i>* 4+ 5 tuổi</i> <i>- Bảo vệ, chăm sóc con vật</i> <i>- Tiếp xúc an toàn với động vật</i>		5

177	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối - <i>Tiếp xúc an toàn với cây, hoa, quả</i>		6
178	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	* 4+ 5 tuổi - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - <i>Phân loại rác</i>		1
179	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
180	4	- Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa	* 4+5 tuổi - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.	- Biết không bẻ cành, bứt hoa	6
181	5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)		- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	6
182	4	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	* 4+ 5 tuổi - Tiết kiệm điện, nước		8
183	5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học. - <i>Sử dụng vật liệu tự nhiên, tái chế</i>		1

184	5	- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.		- Chủ động bắt chuyện hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện	8
185	5	- Trẻ biết có nhóm bạn chơi thường xuyên		- Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau	2
186	5	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác		- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác	7

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

187	4	- Biết thể hiện vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	* 4+5 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe: + Âm thanh gợi cảm (tiếng cười đùa, tiếng khóc, tiếng chim hót, tiếng nước chảy, tiếng sấm....) + Các bài hát ru, các bản nhạc	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	2,5,6,8
188	5	- Biết tán thưởng tự khám phá bắt chước âm thanh đáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	không lời nhẹ nhàng Hoà hợp với thiên nhiên + Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật: mây, nước,	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ	

			sông, núi, cây cối, con vật...	thuật - Nghe các âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc (thiếu nhi, dân ca)	
189	4	- Biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện		- Nghe và nhận ra các thể loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	1->9
190	5	- Biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	
191	4	- Trẻ thích thú, ngắm ngía chỉ sò và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc hình dáng của các tác phẩm tạo hình		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	1->9
192	5	- Trẻ thích thú, ngắm ngía và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục) của các tác phẩm		- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	1->9

		tạo hình			
b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (<i>nghe hát, vận động theo nhạc</i>) và hoạt động tạo hình (<i>vẽ nặn, cắt xé dán hình</i>)					
193	4	- Biết hát đúng giai điệu lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ...	* 4+ 5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc tình cảm của bài hát		1->9
194	5	- Biết hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ...			
195	4	- Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	* 4+5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1->9
196	5	- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	

197	4	- Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	* 4+ 5 tuổi: - Phối hợp, (lựa chọn) các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (phế liệu) để tạo ra các sản phẩm	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	3, 9
198	5	- Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm		Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
199	4	- Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục		- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm đơn giản	1,2,3,8,9
200	5	- Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét	1,2,3,8,9
201	4	- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc		- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng đường nét	2,3,4,5,6,7,8,9
202	5	- Biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét bố cục	2,3,4,5,6,7,8,9
203	4	- Biết làm lốm, đổ bột, bẻ loe,		- Sử dụng các kỹ năng nặn	1,3,4,6

		vuốt nhọn, uốn cong đất nặn, để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng đường nét	
204	5	- Biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét bố cục:	1,3,4,6
205	4	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	* 4+ 5 tuổi: - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng (hài hòa), đường nét (bố cục cân đối)		4, 9
206	5	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối			
207	4	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	1->9
208	5	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng bố cục		Nhận xét sản phẩm tạo hình, về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục	1->9
c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)					
209	4	- Biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát,		- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	1->9

		bản nhạc		- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp bài hát	2, 5, 6, 7, 8
210	5	- Biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích		- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	1->9
				- Đặt lời giai điệu một bài hát, bản nhạc quen một câu hoặc một đoạn	9
211	4	- Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát	* 4+ 5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	2,5,6,7,8
212	5	- Biết gõ đệm dụng cụ theo tiết tấu tự chọn		Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn)	
213	4	- Trẻ nói được lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	* 4+ 5 tuổi: - Nói được ý tưởng tạo hình của mình.		1->9
214	5	- Trẻ nói được lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình			
215	4	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	* 4+ 5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của		1->9

216	5	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	mình <i>- Bảo vệ những đồ dùng/sản phẩm của cá nhân và tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của người khác</i>		
-----	---	--------------------------------------	---	--	--

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal dashed lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the paper.

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (từ ngày 8/9/2025 đến ngày 22/5/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Các lễ/ hội	Điều chỉnh, bổ sung
8/9/2025 đến 26/9/2025	1	Trường Mầm Non thân yêu	Ngày hội đến trường của bé	1		
			Đồ dùng, đồ chơi của bé - <i>Tết trung thu</i>	1		
			Lớp học của bé	1		
29/9/2025 đến 17/10/2025	2	Bản thân	Bé tự giới thiệu về mình;	1	Tết trung thu 15/8 âm (6/10 dương)	
			Cơ thể của bé	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
20/10/2025 đến 14/11/2025	3	Gia đình thân yêu của bé	Ngôi nhà của bé	1		
			Các thành viên trong gia đình	1		
			Đồ dùng trong gia đình	1		
			Nhu cầu của gia đình(thực phẩm)	1		
17/11/2025 đến 12/12/2025	4	Nghề nghiệp	Ngày hội 20/11	1	Ngày nhà giáo VN 20/11	
			Bé thích làm nghề gì	1		
			Bé yêu bác nông dân	1		
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
15/12/2025 đến 16/1/2026	5	Con vật bé yêu	Một số con vật nuôi trong gia đình	2	- Nghỉ tết dương lịch 1/1/ 2025	
			Một số con vật sống trong rừng	1		
			Một số con vật sống dưới nước	1		

			Một số con côn trùng	1		
19/1/2026 đến 13/2/2026	6	Thế giới thực vật	Cây xanh quanh bé	1	Nghỉ tết nguyên đán từ 16/2/2026- 20/2/2026	
			Vườn hoa mùa xuân			
			Bé thích ăn quả gì?	1		
			Bé vui đón tết	1		
23/2/2026 đến 20/3/2026	7	Phương tiện và QĐ giao thông	Giao thông đường bộ	1	Quốc tế phụ nữ 8/3	
			Ngày hội 8/3	1		
			Giao thông đường thủy	1		
			Quy định giao thông	2		
23/3/2026 đến 17/4/2026	8	Mùa hè - hiện tượng tự nhiên	Nước	1		
			Mùa hè	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	2		
20/4/2026 đến 22/5/2026	9	Quê hương - Bác Hồ- trường TH	Bản làng em	1	Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm (24/4 dương) Giải phóng Miền Nam 30/4 Quốc tế LĐ 1/5 Sinh nhật Bác 19/5	
			Bé làm quen với đồ dùng lớp 1	1		
			Ngày sinh nhật Bác 19/5	1		
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		

NGƯỜI LẬP

TỔ TRƯỞNG

PHÊ DUYỆT NHÀ TRƯỜNG

